



A member of MGI International

Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM
Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán	06-09



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng (Một trăm sáu một tỷ đồng), tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo như sau:

Nguyễn Duy Toại	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/03/2014
Đoàn Ngọc Hoàn	Phó Chủ Tịch HĐQT	
Phạm Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT	
Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/03/2014
Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	
Nguyễn Duy Thao	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/03/2014
Hạng Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/12/2014
Dương Hiếu Đông	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 05/12/2014

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo như sau:

Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc
Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên ban kiểm soát tại ngày lập báo cáo như sau:

Trần Công Văn	Trưởng Ban kiểm soát
Lã Thị Hường	Thành viên Ban kiểm soát
Đoàn Trung Dũng	Thành viên Ban kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

51
V
H
T
Đ
T
J
A

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

11/1/2015



Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tel: (+84 4) 38689 566/88 • Fax: (+84 4) 38686 248 • Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 665/BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam lập ngày 23 tháng 01 năm 2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 09 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.



NGÔ QUANG TIẾN
Phó Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 0448-2014-126-1
Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**
Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2015

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 1912-2014-126-1

TR
KI
TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính; Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Bùi Quang Kỳ

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**



Phạm Thị Lê Hương

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

11/01/2014

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	161.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ Dự phòng bổ sung vốn điều lệ (nếu có)			
5	Quỹ đầu tư phát triển	271.963.694		
6	Quỹ dự phòng tài chính	271.963.694		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	13.428.403.049		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100 % giảm đi)			
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
11	Lợi ích của cổ đông tối thiểu			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		39.061.975	14.253.645
1A	Tổng	174.972.330.437	39.061.975	14.253.645
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		3.395.208.780	
1	Phải thu của khách hàng			
2	Trả trước cho người bán		3.395.208.780	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
5	Các khoản phải thu khác			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho			
V	Tài sản ngắn hạn khác		435.264.359	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		425.264.359	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000	
1B	Tổng	-	3.830.473.139	-
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
II	Tài sản cố định		14.192.193.737	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		19.000.000.000	
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
4	Đầu tư dài hạn khác		19.000.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác		4.110.145.527	
1C	Tổng	-	37.302.339.264	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C				133.814.709.704

Ghi chú: Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng (mục B,C), tổ chức kinh doanh chứng khoán được điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản được dùng là tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc cho bên thứ ba (ví dụ như hợp đồng bán có cam kết mua lại mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là bên bán), thì khi tính giảm trừ được giảm bớt đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản xác định theo quy định tạo phụ lục 2, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của các nghĩa vụ)

- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng (ví dụ như hợp đồng giao dịch ký quỹ, giao dịch mua có cam kết kết bán lại mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là bên mua): Thì khi tính giảm trừ được giảm bớt đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản bảo đảm xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 9 thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010, giá trị sổ sách.

- Trong đó, giá trị sổ sách là giá trị còn lại của tài sản đảm bảo (trong trường hợp tài sản cố định) tại thời điểm giao kết hợp đồng hoặc giá trị xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại thời điểm giao kết hợp đồng (Nếu là loại tài sản khác)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) =(1)*(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1.	Tiền mặt (VND)	0%	66.865.700.680	-
II. Trái phiếu chính phủ				
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
IV. Cổ phiếu				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	10.036.400	1.003.640
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội	15%	54.616.000	8.192.400
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký qua hệ thống upcom	20%	2.465.441	493.088
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu kỳ, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	829.200	248.760
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	18.575.320.000	9.287.660.000
V. Chứng Chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
VII. Các tài sản khác				
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	22.100.000.000	17.680.000.000
VIII. Rủi ro tăng thêm				
		Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
			-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				26.977.349.128
B. RỦI RO THANH TOÁN				
LOẠI HÌNH GIAO DỊCH		Giá trị rủi ro		Tổng giá trị
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán				
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán				
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				-

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG(TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		
I.	Tổng các chi phí hoạt động	24.227.176.995
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	4.559.312.921
1	Chi phí khấu hao	4.833.977.548
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(555.119.501)
3	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	
4	Dự phòng phải thu khó đòi	280.454.874
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	19.667.864.074
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ(III=I-II)	4.916.966.019
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	32.200.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max { IV,V})		32.200.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		59.177.349.128

Ghi chú:

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính Phủ bảo lãnh , Bộ tài chính bảo lãnh , Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung Ương;
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung Tâm lưu ký Chứng Khoán;
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng , tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD;
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng , tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD;
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng , tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tập Đoàn Nhà Nước, Tổng Công ty Nhà Nước, Doanh Nghiệp nhà nước;
- (7) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác.

III. BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro / Vốn khả dụng	Ghi chú nếu có
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	26.977.349.128	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	-	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	32.200.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	59.177.349.128	
5.	Vốn khả dụng	133.814.709.704	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	226%	

Kế toán trưởng


Bùi Quang Kỳ

Trưởng bộ phận
kiểm soát


Phạm Thị Lê Hương

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015

Tổng giám đốc

